

Biểu số: 2102.H.QLKKT

*Kèm theo Thông tư số
131/2025/TT-BTC ngày 24
tháng 12 năm 2025 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính*

Thời hạn báo cáo:

- Báo cáo quý: ngày 20 tháng
sau quý báo cáo

- Báo cáo năm:

+ Sơ bộ: ngày 20 tháng 01
năm sau năm báo cáo

+ Chính thức: ngày 31 tháng
03 năm sau năm báo cáo

**TÌNH HÌNH THÀNH LẬP
MỚI, ĐIỀU CHỈNH ĐIỆN
TÍCH VÀ THU HỒI KCN
TRONG KỲ BÁO CÁO**

Quý Năm

- Đơn vị báo cáo: Ban
Quản lý các khu công
nghiệp, khu kinh tế.

- Đơn vị nhận báo
cáo:

+ Cục Công nghệ
thông tin và chuyển
đổi số

+ Cục Đầu tư nước
ngoài (để rà soát tổng
hợp thông tin về các
khu công nghiệp, khu
kinh tế)

S T T	T ê n K C N	Vị trí (K C N = K C N nằ m ngoài K K T ; K K T vb = K C N nằ m tro ng K K T ve n biể n; K K T ck = K C N nằ m tro ng K K T	T ê n d ự á n h ạ t à n g K C N	Đ ị a đ ị ể m	N h à đ ầ u t ư x â y d ự n g k ế t c á u h ạ t à n g	Q u ố c t ị c h n h à đ ầ u t ư	Thành lập mới					Điều chỉnh diện tích/thu hồi				
							Q u y ế t đ ị n h c h ấ p th u ậ n c h ủ tr o n g đ ầ u t ư	G i ấ y C h ứ n g n h ậ n đ ã n g k ý đ ầ u t ư	Q u y m ô đ ị e n t ị c h đ ấ t c ô n g h iệ p, d ị c h v ụ (h a)	T h ờ i h ạ n c h o t h u ê đ ấ t (n ă m)	V ố n đ ầ u t ư x â y d ự n g k ế t c á u h ạ t à n g		G i ấ y c h ứ n g n h ậ n đ ã n g k ý đ ầ u t ư tr ư ớ c k h i đ iề u c h ỉ n h đ ị e n t ị c h/t h u h o i	Q u y m ô đ ị e n t ị c h đ ấ t th à n h l ậ p tr ư ớ c k h i đ iề u c h ỉ n h đ ị e n t ị c h/t h u h o i	G i ấ y c h ứ n g n h ậ n đ ã n g k ý đ ầ u t ư đ iề u c h ỉ n h đ ị e n t ị c h/t h u h o i	Q u y m ô đ ị e n t ị c h đ ấ t th à n h l ậ p s a u đ iề u c h ỉ n h đ ị e n t ị c h/t h u h o i
											V ố n đ ầ u t ư n ướ c n go à i (tr. US D)	V ố n đ ầ u t ư tr o n g n ư ớ c (t ỷ V N Đ)				

		cửa kh âu)															
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
I	Các KCN mới được phê duyệt chủ trương đầu tư/thành lập																
I	Các KCN điều chỉnh tăng diện tích																
I																	
I	Các KCN điều chỉnh giảm diện tích																
I																	
I																	
I	Các KCN thu hồi toàn bộ diện tích đã phê duyệt chủ trương đầu tư/thành lập																
V																	

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

NGƯỜI KIỂM TRA
BIỂU
(Ký, họ tên)

Ngày... tháng... năm ...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu, họ tên)

GIẢI THÍCH BIỂU MẪU BÁO CÁO

Biểu số 2102.Q.QLKKT: Tình hình thành lập mới, điều chỉnh diện tích và thu hồi KCN trong kỳ báo cáo

1. Khái niệm

Việc thành lập mới, điều chỉnh, diện tích và thu hồi khu công nghiệp trong kỳ báo cáo là tổng hợp các hoạt động quản lý nhà nước liên quan đến thay đổi về quy mô, phạm vi và số lượng khu công nghiệp trong thời gian của kỳ báo cáo, bao gồm ban hành quyết định:

thành lập mới khu công nghiệp, điều chỉnh tăng hoặc giảm diện tích, ranh giới của khu công nghiệp và thu hồi, chấm dứt hoạt động của các khu công nghiệp theo quy định.

2. Cách ghi biểu

- Cột 3: Ghi Vị trí (KCN = KCN nằm ngoài KKT; KKTvb = KCN nằm trong KKT ven biển; KKTck = KCN nằm trong KKT cửa khẩu) tương ứng với các dòng của cột 2.
- Cột 4: Ghi tên dự án hạ tầng KCN tương ứng với các dòng của cột 2.
- Cột 5: Ghi địa điểm tương ứng với các dòng của cột 2.
- Cột 6: Ghi "Việt Nam" nếu nhà đầu tư kết cấu hạ tầng là doanh nghiệp Việt Nam; ghi tên quốc gia của nhà đầu tư nếu là doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài; đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp liên doanh: ghi "Việt Nam" và tên quốc gia của đối tác nước ngoài.
- Cột 7: Ghi quốc tịch nhà đầu tư tương ứng với các dòng của cột 2.
- Cột 8: Ghi văn bản thành lập hoặc tương đương (đối với KCN thành lập mới) tương ứng với các dòng của cột 2.
- Cột 9: Ghi Văn bản phê duyệt quy hoạch xây dựng (đối với KCN thành lập mới) tương ứng với các dòng của cột 2.
- Cột 10: Ghi Quy mô diện tích đất thành lập (ha) (đối với KCN thành lập mới) tương ứng với các dòng của cột 2.
- Cột 11: Ghi Quy mô diện tích đất công nghiệp, dịch vụ (đối với KCN thành lập mới) tương ứng với các dòng của cột 2.
- Cột 12: Ghi Thời hạn cho thuê đất (năm) (đối với KCN thành lập mới) tương ứng với các dòng của cột 2.
- Cột 13-14: Ghi trong phần "tr.USD" nếu là dự án có vốn đầu tư nước ngoài; phần "tỷ VNĐ" nếu dự án 100% vốn đầu tư trong nước.
- Cột 15: Ghi Văn bản thành lập hoặc tương đương trước khi điều chỉnh diện tích/thu hồi (đối với KCN Điều chỉnh diện tích/thu hồi) tương ứng với các dòng của cột 2.
- Cột 16: Ghi Quy mô diện tích đất thành lập trước khi điều chỉnh diện tích/thu hồi (ha) (đối với KCN Điều chỉnh diện tích/thu hồi) tương ứng với các dòng của cột 2.
- Cột 17: Ghi Văn bản điều chỉnh diện tích/thu hồi (đối với KCN Điều chỉnh diện tích/thu hồi) tương ứng với các dòng của cột 2.
- Cột 18: Ghi Quy mô diện tích đất thành lập sau điều chỉnh diện tích/thu hồi (đối với KCN Điều chỉnh diện tích/thu hồi) tương ứng với các dòng của cột 2.
- Dùng dấu chấm "." để phân tách hàng nghìn và hàng trăm, sử dụng dấu phẩy "," để phân tách phần nguyên và phần thập phân. VD: "1.234,56".

3. Nguồn số liệu: Tổng hợp từ báo cáo của các Ban quản lý khu kinh tế, khu công nghiệp các tỉnh, thành phố.